TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **14**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13/8/2024
V/v tranh chấp về ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hoa

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Đàm Chuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2024/ TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp về ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bằng Thị H**, sinh năm 1993; Nơi cư trú: khu F, xã T, huyện P, tỉnh P; Chỗ ở hiện nay: tổ A, phường Đ, thành phố C, tỉnh C.

Bị đơn: Anh **Lê Thanh H1**, sinh năm 1989; Nơi cư trú: khu F, xã T, huyện P, tỉnh P.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh H1 vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai chị Bằng Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Thanh H1 kết hôn ngày 19/01/2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh P trên cơ sở tự do tìm hiểu lấy nhau hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ở cùng với gia đình chồng tại khu F, xã T, huyện P, tỉnh P. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, đến cuối năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H1 thường xuyên rượu chè về ghen tuông vô cớ, đánh đập rồi chửi bới và đe doạ giết chị. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng anh H1 không thay đổi. Từ năm 2020 chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị ở tổ A, phường Đ, thành phố C, tỉnh C sinh sống. Vợ chồng cũng đã sống ly thân từ

đó cho đến nay và không còn quan hệ về mặt tình cảm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh Lê Thanh H1.

- Về con chung: Chị H xác nhận chị và anh H1 có 02 con chung là cháu Lê Thanh H2, sinh ngày 23/7/2012 và cháu Lê Anh T, sinh ngày 14/9/2017. Khi ly hôn chị H xác định do hiện nay hai con chung đang ở cùng với anh H1 để không làm xáo trộn cuộc sống hàng ngày cũng như việc học tập của các con chung nên chị đề nghị giao cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung cháu Lê Thanh H2 và cháu Lê Anh T.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh H1 số tiền 1.500.000đ/02 cháu/1 tháng kể từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi các con chung thành niên lao động tự túc được.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị H xác định chị và anh H1 không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Thanh H1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không có quan điểm trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Tòa án xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bằng Thị H, cho chị H được ly hôn anh Lê Thanh H1.

Về con chung: Giao cháu Lê Thanh H2, sinh ngày 23/7/2012 và cháu Lê Anh T, sinh ngày 14/9/2017 cho anh Lê Thanh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H1 số tiền 1.500.000đ/2 cháu/1 tháng kể từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi các con chung thành niên lao động tự túc được.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Buộc chị Bằng Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh P nên Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh P thụ lý, xét xử là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lê Thanh H1 nhưng anh H1 vắng mặt không có lý do. Vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Lê Thanh H1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lí do chính đáng vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H1.

Nguyên đơn chị Bằng Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bằng Thị H và anh Lê Thanh H1 kết hôn ngày 19/01/2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh P trên cơ sở tự do tìm hiểu lấy nhau hoàn toàn tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị H cho rằng hôn nhân không có hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do anh H1 thường xuyên rượu chè về ghen tuông vô cớ, đánh đập rồi chửi bới và đe doạ giết chị. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng anh H1 không thay đổi. Từ năm 2020 chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị ở tổ A, phường Đ, thành phố C, tỉnh C sinh sống. Vợ chồng cũng đã sống ly thân từ đó cho đến nay và không còn quan hệ về mặt tình cảm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1.

Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng chị H, anh H1 tại khu dân cư, kết quả: Chị H và anh H1 là công dân của khu F, xã T, huyện P, tỉnh P. Ngày 19/01/2012 anh chị đăng kí kết hôn tại UBND xã T, sau khi kết hôn về sống với gia đình anh H1 tại khu F, xã T. Mâu thuẫn cụ thể giữa anh chị như thế nào đại diện khu dân cư không nắm rõ nhưng trong quá trình anh H1, chị H sinh sống tại khu dân cư có xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau và hiện nay anh H1, chị H có sống ly thân. Như vậy, cần xác định vợ chồng chị H, anh H1 có mâu thuẫn. Thực tế, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không quan tâm, chăm sóc nhau, không duy trì cuộc sống chung. Quá trình giải quyết vụ án chị H kiên quyết xin ly hôn anh H1. Xét thấy

mục đích hôn nhân của chị H, anh H1 không đạt được, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, chị H yêu cầu ly hôn với anh H1 là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung:

Chị H xác nhận có 02 con chung là cháu Lê Thanh H2, sinh ngày 23/7/2012 và cháu Lê Anh T, sinh ngày 14/9/2017. Khi ly hôn chị H xác định do hiện nay hai con chung đang ở cùng với anh Lê Thanh H1 để không làm xáo trộn cuộc sống hàng ngày cũng như việc học tập của các con chung nên chị đề nghị giao cho anh Lê Thanh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung cháu Lê Thanh H2 và cháu Lê Anh T.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh H1 số tiền 1.500.000đ/02 cháu/1 tháng kể từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi các con chung thành niên lao động tự túc được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh H1 nhưng anh H1 không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai của anh H1 trong hồ sơ vụ án. Anh H1 biết việc chị H khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án nhưng anh không đến Tòa án. Vì vậy anh H1 đã tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án chị H có quan điểm do hiện nay hai con chung đang ở cùng với anh H1 để không làm xáo trộn cuộc sống hàng ngày cũng như việc học tập của các con chung chị đồng ý để cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Toà án cũng đã tiến hành lấy lời khai của cháu Lê Thanh H2, ngày 27/5/2024 tại Trường trung học cơ sở T1 có sự chứng kiến của giáo viên chủ nhiệm, cháu H2 có quan điểm xin được ở với anh H1. Đồng thời, Toà án cũng tiến hành lập biên bản xác minh ngày 27/5/2024 tại Trường trung học cơ sở T1 về tình hình học tập và sinh hoạt của cháu H2 tại trường đã được nhà trường cung cấp tình hình học tập và sinh hoạt của cháu H2 tại trường bình thường, mọi khoản đóng góp học tập của cháu H2 tại trường đều do anh H1 đóng góp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc chị H có quan điểm giao con chung cháu H2 và cháu T cho anh H1 chăm sóc, nuôi dưỡng là tự nguyện không trái quy định của pháp luật. Mặt khác, để đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc, học tập không làm ảnh hưởng, xáo trộn điều kiện sống cháu H2 và cháu T là con chung của chị H, anh H1 nên căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần giao con chung cháu Lê Thanh H2, sinh ngày 23/7/2012 và cháu Lê Anh T, sinh ngày 14/9/2017 cho anh H1 tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chuẩn bị xét xử chị H có quan điểm tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh H1 số tiền 1.500.000đ/02 cháu/1 tháng kể từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi các con chung thành niên lao động tự túc được. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị H không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Bằng Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết. Nhưng do hiện nay anh Lê Thanh H1 vắng mặt vắng

mặt trong quá trình Toà án giải quyết vụ án và không có văn bản nêu quan điểm trình bày về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét giải quyết trong vụ án này.

Do vậy, về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

[5]. Về án phí: Chị Bằng Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P tại phiên toà là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bằng Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bằng Thị H được ly hôn với anh Lê Thanh H1.

2. Về con chung: Giao cho anh Lê Thanh H1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lê Thanh H2, sinh ngày 23/7/2012 và cháu Lê Anh T, sinh ngày 14/9/2017 cho đến khi các con chung thành niên, lao động tự túc được.

Chị Bằng Thị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H1 số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/02 cháu/1 tháng kể từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi các con chung thành niên lao động tự túc được

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chưa giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Bằng Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

Xác nhận chị H đã nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001172 ngày 25/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh P. Chị H còn phải tiếp tục nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh P xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền hoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- VKSND huyện P, tỉnh P;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã Tiên Du;
- Lưu VP, HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Việt Hưng